

# CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG THÔNG TIN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

● PHẠM NGỌC TOÀN - NGUYỄN THÀNH LONG - ĐẶNG ĐỨC TIẾP

## TÓM TẮT:

Nghiên cứu nhằm xác định và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại cổ phần Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM).

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 5 nhân tố ảnh hưởng bao gồm: Quy trình công tác kế toán, Ứng dụng công nghệ thông tin, Trình độ nhân lực, Chế độ chính sách nhà nước và Mức độ công bố thông tin.

**Từ khóa:** Báo cáo tài chính, chất lượng thông tin báo cáo tài chính, ngân hàng thương mại cổ phần.

## 1. Đặt vấn đề

Việc tạo lập báo cáo tài chính được thực hiện ở các tổ chức kinh tế với những mức độ tuân thủ khác nhau. Điển hình, một số tổ chức biến hoá thông tin trên các khoản mục của báo cáo tình hình tài chính - như tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu - và trên báo cáo kết quả hoạt động - như chi tiêu doanh thu, thu nhập, chi phí. Các thông tin có thể được biến hoá trong khuôn khổ quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán. Cũng có trường hợp sự biến hoá này hoàn toàn vi phạm các chính sách kế toán hiện hành bằng nhiều thủ thuật phù phép khác nhau như che giấu công nợ, định giá sai tài sản, ghi nhận doanh thu, chi phí không có thực hoặc che giấu doanh thu, chi phí, ghi sai kỳ kế toán hoặc không công bố đầy đủ thông tin..... Từ

đó, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả các quyết định kinh tế của các đối tượng sử dụng thông tin trên báo cáo tài chính.

Xuất phát từ thực trạng trên, tác giả cho thấy, nghiên cứu hướng đến việc tìm hiểu về chất lượng thông tin, xác định các nhân tố ảnh hưởng, từ đó đưa ra các khuyến nghị nhằm gia tăng chất lượng thông tin báo cáo tài chính tại các ngân hàng là một vấn đề cần thực hiện và có ý nghĩa trong bối cảnh hiện nay. Các ngân hàng thương mại cổ phần cũng là một loại hình doanh nghiệp đặc biệt kinh doanh trong lĩnh vực tín dụng. Chúng có tác động rất lớn đến tình hình tài chính của các doanh nghiệp khác cũng như trong nội bộ các ngân hàng với nhau, do đó thông tin báo cáo tài chính của nhóm đối tượng này là rất quan trọng trên thị trường.

## 2. Cơ sở lý thuyết, mô hình và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý thuyết và mô hình đề xuất

Theo Mouzhi Ge (2009), chất lượng thông tin được khái niệm dựa trên hai khía cạnh chủ yếu: Đặc điểm thông tin và Người sử dụng thông tin.

Về khía cạnh đặc điểm thông tin, chất lượng thông tin được định nghĩa như là sự đáp ứng những đặc điểm kỹ thuật hay yêu cầu (Kahn & Strong, 1988). Theo CobiT, chất lượng thông tin được đánh giá qua 7 tiêu chuẩn: Hữu hiệu, Hiệu quả, Bảo mật, Toàn vẹn, Sẵn sàng, Tuân thủ và Đáng tin cậy (IT Governance Institute, 2007; Eppler 2006).

Đối với người sử dụng, chất lượng thông tin được định nghĩa là sự phù hợp để sử dụng đối với người sử dụng (Wang & Strong, 1996). Theo Balizan (2012), thông tin có chất lượng tốt nếu được xem là phù hợp với các yêu cầu của người sử dụng thông tin bao gồm: Chính xác; Đầy đủ; Phù hợp; Kịp thời; Nhất quán. Gelinas & ctg (2012) cho thấy, chất lượng thông tin đạt được khi mang lại lợi ích cho người ra quyết định. Người sử dụng phải có tiêu chí cụ thể cho chất lượng của thông tin, thông thường bao gồm: Thích hợp; Kịp thời; Chính xác; Đầy đủ.

Dựa trên khuôn mẫu khái niệm về các thuộc tính chất lượng thông tin BCTC được ban hành bởi IASB và FASB, các nhà nghiên cứu theo hướng cơ bản đã đưa ra những khái niệm đa dạng về chất lượng thông tin báo cáo tài chính. Theo Jonas và Blanchet (2000), chất lượng thể hiện ở việc BCTC cung cấp đầy đủ và rõ ràng các thông tin tài chính và mục đích cung cấp thông tin không hướng đến việc gây nhầm lẫn hoặc thay đổi quyết định của người sử dụng. Tang & ctg (2008) cho thấy, chất lượng thông tin báo cáo tài chính là khả năng mà BCTC cung cấp một cách trung thực và thực tế những thông tin liên quan đến hiệu quả hoạt động và tình hình tài chính của một thực thể.

Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại cổ phần TP. HCM như sau:

- Trình độ nhân lực: Muda, I. và cộng sự (2017) đã thực hiện nghiên cứu nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của năng lực nguồn nhân lực đối với chất lượng

BCTC. Tác giả cho biết, năng lực nguồn nhân lực là khả năng của nguồn nhân lực để thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm được giao với sự hỗ trợ của kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm đầy đủ. Kết quả của nghiên cứu cho thấy, năng lực nguồn nhân lực có ảnh hưởng tích cực và đáng kể đến hệ thống kế toán tài chính. Hệ thống này ảnh hưởng tích cực và đáng kể đến chất lượng BCTC. Từ đó, nghiên cứu đề xuất cần có chương trình đào tạo toàn diện để cải thiện năng lực nguồn nhân lực trong việc gia tăng chất lượng BCTC.

*Giả thuyết H1: Trình độ nhân lực tác động dương đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại cổ phần TP. HCM.*

- Chế độ chính sách nhà nước: Theo nghiên cứu N.Klai (2011), sự kiểm soát từ phía Nhà nước và các tổ chức tài chính có tác động thuận chiều tới chất lượng thông tin kế toán. Theo Phạm Thanh Trung (2016), với mục tiêu đáp ứng nhu cầu thông tin kế toán có chất lượng cho các đối tượng sử dụng thông tin, đặc biệt là các đối tượng sử dụng bên ngoài, yêu cầu đơn vị khi lập và trình bày thông tin kế toán trên BCTC phải tuân thủ các chế độ chính sách nhà nước có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC. Kết quả nghiên cứu của Đỗ Thị Hải Yến (2017) cũng cho thấy, chế độ chính sách nhà nước có ảnh hưởng đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính của các tổ chức.

*Giả thuyết H2: Chế độ chính sách nhà nước tác động dương đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại cổ phần TP. HCM.*

- Quy trình công tác kế toán: Quy trình công tác kế toán thể hiện qua tổ chức công tác kế toán và hệ thống thông tin kế toán của đơn vị. Hệ thống thông tin kế toán là một hệ thống kết nối các thành phần lại với nhau để thu thập, xử lý các nghiệp vụ tài chính và phi tài chính thành thông tin kế toán và cung cấp thông tin hỗ trợ ra quyết định cho các bên liên quan (Bagranov & ctg 2010), quy trình này được bắt đầu bằng việc ghi nhận thông tin đầu vào, sau đó thông tin được tiếp tục lưu trữ - xử lý- lưu trữ, và được kết thúc bằng việc cung cấp thông tin đầu ra cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng. Tổ chức công tác kế toán là việc tổ chức nhân sự kế toán theo các phần hành

kế toán cụ thể, thực hiện các phương pháp kế toán phù hợp với yêu cầu thu nhận, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế tài chính, phù hợp với đặc điểm cụ thể của doanh nghiệp, nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin phục vụ việc điều hành hoạt động sản xuất - kinh doanh.

*Giả thuyết H3: Quy trình công tác kế toán tác động dương đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại cổ phần TP.HCM.*

- Mức độ công bố thông tin: Theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính, công bố thông tin kế toán là toàn bộ thông tin được cung cấp thông qua hệ thống các BCTC của một công ty trong thời kỳ nhất định. Công bố thông tin bao gồm hai loại là các công bố bắt buộc và các công bố tự nguyện. Trong đó, công bố bắt buộc là những công bố kế toán được yêu cầu bởi luật pháp và những quy định của một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ. Những công bố này phải được trình bày theo quy định. Hiện nay, công bố thông tin bắt buộc mặc dù đã được quy định cụ thể trong các văn bản pháp quy, tuy nhiên mức độ tuân thủ vẫn khác nhau giữa các doanh nghiệp, ý thức về công bố thông tin ở các doanh nghiệp vẫn chưa cao. Công bố tự nguyện là sự lựa chọn của doanh nghiệp, không bắt buộc. Có nghĩa là, một doanh nghiệp có thể có hoặc không phải công bố các thông tin kế toán mà luật pháp không yêu cầu.

Michelon, G. (2011) dựa trên lý thuyết hợp pháp đã chứng minh danh tiếng của công ty là yếu tố quyết định đến việc công bố thông tin. Danh tiếng công ty ảnh hưởng đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính mà công ty đã cung cấp.

*Giả thuyết H4: Mức độ công bố thông tin tác động dương đến việc vận dụng các kỹ thuật kế toán quản trị hiện đại ở các doanh nghiệp sản xuất tại TP.HCM.*

Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT): Theo Mahdi Salehi và cộng sự (2012), CNTT tập trung vào phần công nghệ của một hệ thống thông tin bao gồm phần cứng, cơ sở dữ liệu, phần mềm, mạng và các công cụ khác. Theo định nghĩa này, có thể coi CNTT là một hệ thống con của hệ thống thông tin. Đôi khi, hệ thống thông

tin và CNTT được sử dụng theo cách tương tự và đôi khi cũng có thể sử dụng thuật ngữ CNTT rộng rãi hơn để bao gồm một tập hợp nhiều hệ thống thông tin, người dùng và giám đốc quản lý của một tổ chức.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, CNTT ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo tài chính và tác động này được thực hiện thông qua quá trình lập báo cáo. Với việc ứng dụng những tiến bộ của CNTT, các thuộc tính của thông tin kế toán sẽ ngày càng được cải thiện. Bởi sử dụng các công nghệ tiên tiến hơn không chỉ giúp cho thông tin được cung cấp phù hợp hơn mà còn gia tăng độ tin cậy và khả năng so sánh của thông tin.

*Giả thuyết H5: Ứng dụng CNTT tác động dương đến việc vận dụng các kỹ thuật kế toán quản trị hiện đại ở các doanh nghiệp sản xuất tại TP.HCM.*

## 2.2. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

Phương pháp được sử dụng là phương pháp hỗn hợp kết hợp với nghiên cứu định tính và định lượng để giải quyết các mục tiêu nghiên cứu.

Ở bước nghiên cứu định tính, nhóm tác giả dùng các kỹ thuật định tính để xác định Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính thông qua việc kế thừa các nghiên cứu trước và thảo luận chuyên gia.

Ở bước nghiên cứu định lượng, nhóm tác giả xử lý kết quả, thông qua việc khảo sát 167 mẫu ở các ngân hàng thương mại cổ phần tại Thành phố Hồ Chí Minh, với phương pháp phân tích hồi quy và kiểm định các giả thiết của mô hình.

Phương pháp chọn mẫu: Mẫu được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên. Theo Tabachnick & Fidell (2007), khi dùng hồi quy bội, kích thước mẫu n nên được tính bằng công thức sau:  $n \geq 50 + 8p$  (p: Số lượng biến độc lập). Số mẫu được chọn trong bài nghiên cứu là 167 mẫu, là phù hợp.

Tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu Sự tác động của việc sử dụng hệ thống ERP đến việc vận dụng các kỹ thuật kế toán quản trị hiện đại ở các doanh nghiệp sản xuất tại TP. HCM như sau:

$$CLTTKT = \beta_0 + \beta_1 TDNL + \beta_2 CDCS + \beta_3 QTKT + \beta_4 MDCBTT + \beta_5 UDCN + \epsilon$$

- Trong đó:

+ TDNL: Trình độ nhân lực.

+ CDCS: Chế độ chính sách nhà nước.

- + QTKT: Quy trình công tác kế toán.
- + MDCBTT: Mức độ công bố thông tin.
- + UDCN: Ứng dụng công nghệ thông tin.
- + CLTTKT: Chất lượng thông tin báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn TP. HCM.

$\beta_0$ : Sai số - Các yếu tố không quan sát được.

**3. Kết quả nghiên cứu**

Sau khi kiểm định độ tin cậy các thang đo của các biến độc lập và biến phụ thuộc, tác giả đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính như sau: (Bảng 1)

Bảng 1 cho thấy, giá trị hệ số  $R^2$  - hiệu chỉnh = 0,793 > 0,5, do vậy, đây là mô hình thích hợp để sử dụng đánh giá mối quan hệ giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập. Ngoài ra, giá trị hệ số  $R^2$  hiệu chỉnh là 0,793, nghĩa là mô hình hồi quy tuyến tính đã xây dựng phù hợp với dữ liệu 79,3%.

Căn cứ vào Bảng 2, phương trình hồi quy tuyến tính bội của Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại cổ phần TP. HCM với các hệ số chuẩn hóa như sau:

$$CLTTKT = 0.372TDNL + 0.326CDCS + 0.40QTKT + 0.304MDCBTT + 0.38UDCN$$

*Kết luận:*

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra 5 nhân tố có ảnh hưởng đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại cổ phần TP. HCM với mức độ tác động theo thứ tự từ cao đến thấp như sau: Quy trình công tác kế toán, Ứng dụng CNTT, Trình độ nhân lực, Chế độ chính sách nhà nước và Mức độ công bố thông tin.

**4. Khuyến nghị**

- Về Quy trình công tác kế toán: Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán tại đơn vị cần được thực hiện, khắc phục những thiếu sót, tồn tại ngay trong quá trình tổ chức hệ thống theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Cần xây dựng hệ thống chứng từ tại ngân hàng đơn giản, rõ ràng, phù hợp với quy định của chế độ kế toán, các chỉ tiêu phản ánh trong chứng từ phải thể hiện được yêu cầu quản lý nội bộ. Công tác kiểm tra, rà soát hồ sơ chứng từ thanh toán tại các ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn TP. HCM cần được tổ chức thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ và

**Bảng 1. Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi qui tuyến tính đa biến**

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R <sup>2</sup>	Hệ số R <sup>2</sup> - hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng
1	.894a	.799	.793	.16796

(Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS)

**Bảng 2. Bảng kết quả các trọng số hồi quy**

Coefficients <sup>a</sup>								
Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	tstat	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến		
	Beta	Sai số chuẩn	Beta			Hệ số Tolerance	Hệ số VIF	
1	(Constant)	-.607	.214					
	TDNL	.230	.023	.372	10.210	.000	.940	1.063
	CDCS	.331	.038	.326	8.749	.000	.899	1.112
	QTKT	.262	.024	.400	10.867	.000	.920	1.087
	MDCBTT	.186	.023	.304	8.174	.000	.905	1.105
	UDCN	.211	.021	.380	10.281	.000	.913	1.095

(Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS)

triệt để hơn. Ban lãnh đạo ngân hàng cần tổ chức kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất với nghiệp vụ của nhân viên nhằm phát hiện kịp thời các sai sót, nếu có thể xảy ra trong quy trình công tác kế toán tại đơn vị.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin: Phòng ngừa tối thiểu rủi ro công nghệ, lãnh đạo các ngân hàng thương mại cổ phần trên địa bàn TP. HCM cùng toàn thể nhân viên phải tuyệt đối tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin và nâng cao chất lượng hệ thống cả phần cứng cũng như phần mềm.

- Về Trình độ nhân lực: Các ngân hàng cần chú trọng nâng cao chất lượng của nhân viên kế toán thông qua việc tuyển dụng, đào tạo và bổ nhiệm kế toán trưởng. Kế toán viên phải hội tụ đầy đủ các tiêu chuẩn của nhân viên kế toán. Công tác tổ chức tuyển dụng phải công khai,

minh bạch và theo đúng quy trình tuyển dụng.

- Về chế độ chính sách nhà nước: Cần cập nhật và lưu trữ những văn bản nào còn hiệu lực, văn bản nào hết hiệu lực; điều này giúp ích rất nhiều trong việc cập nhật các chế độ chính sách của Nhà nước nói chung và trong công tác kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính nói riêng. Trong quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính cần tuân thủ các quy định, chế độ chính sách của nhà nước.

- Về mức độ công bố thông tin: Cụ thể hoá các quy định về yêu cầu công bố thông tin để các ngân hàng hiểu rõ; đồng thời thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời những quy định về công bố thông tin. Tạo ra khung pháp lý chung, thống nhất về việc công bố thông tin hoạt động của ngân hàng. Chuẩn hóa các mẫu biểu và nội dung thông tin cần công bố công khai của ngân hàng ■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đỗ Thị Hải Yến (2017). *Các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng thông tin KT trên báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty niêm yết tại Thành phố Hồ Chí Minh*. Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Eppler, M. J. (2006). *Managing information quality: Increasing the value of information in knowledge-intensive products and processes*. Springer Science & Business Media.
3. Ge, M. (2009) *Information quality assessment and effects on inventory decision-making*.
4. Jonas, G. J., & Blanchet, J. (2000). Assessing quality of financial reporting. *Accounting horizons*, 14(3), 353-363.
5. Kahn, R. (1988). Report and recommendations of the San Antonio conference on diabetic neuropathy. *Annals of Neurology: Official Journal of the American Neurological Association and the Child Neurology Society*, 24(1), 99-104.
6. Michelin, G. (2011). Sustainability disclosure and reputation: A comparative study *Corporate Reputation Review*, 14(2), 79-96.
7. Phạm Thanh Trung (2016). *Đo lường mức độ tác động của các nhân tố đến chất lượng thông tin trình bày trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Thành phố Hồ Chí Minh*. Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Tabachnick, B. G., Fidell, L. S., & Ullman, J. B. (2007) *Using multivariate statistics* (Vol. 5). Boston, MA: Pearson
9. Waweru, N.M., Hoque, Z. and Uliana, E., 2005. A survey of management accounting practices in South Africa. *International Journal of Accounting, Auditing and Performance Evaluation*, 2(3), pp.226-263.
10. Wang, R. Y., & Strong, D. M. (1996). Beyond accuracy: What data quality means to data consumers. *Journal of management information systems*, 12(4), 5-33.

Ngày nhận bài: 29/5/2020

Ngày phân biện đánh giá và sửa chữa: 2/6/2020

Ngày chấp nhận đăng bài: 12/6/2020

*Thông tin tác giả:*

**1. TS. PHẠM NGỌC TOÀN**

Trưởng Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

**2. ThS. NGUYỄN THÀNH LONG**

Trưởng Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương VI

**3. ThS. ĐẶNG ĐỨC TIỆP**

Trưởng Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương VI

## **FACTORS AFFECTING THE INFORMATION QUALITY OF HO CHI MINH CITY'S JOINT STOCK COMMERCIAL BANKS**

● Ph.D **PHAM NGOC TOAN**

University of Economics Ho Chi Minh City

● Master. **NGUYEN THANH LONG**

Ho Chi Minh City College of Transportation 6

● Master. **DANG DUC TIEP**

Ho Chi Minh City College of Transportation 6

### **ABSTRACT:**

This study is to identify and measure the impacts of factors on the information quality of financial statements of Ho Chi Minh City's joint stock commercial banks. The study's results show that there are 5 factors affecting the information quality of financial statements of the city's commercial banks. These factors are the accounting process, the application of information technology, the quality of human resource, the State's policy regime, and the level of information disclosure.

**Keywords:** Financial statements, information quality of financial statements, joint-stock commercial banks.